TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 46/2021/QĐST - VDS	*Kim Động, ngày 09 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
"V/v Hủy kết hôn trái pháp luật; công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG – TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương - Thẩm phán.
- Thư ký phiên họp: Bà Phan Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Động.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên họp: Ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 57/TLST - HNGĐ ngày 02/6/2021, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật; công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 29/6/2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ông Trần Đình Nh, sinh năm 1974.
- Bà Lương Thị L, sinh năm 1980.

Đều ĐKHKTT: thôn Giang, xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt.*

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

Ủy ban nhân dân xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn Hải - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt có lý do.*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật; công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn, bà Lương Thị L và ông Trần Đình Nh trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông Nh, bà L quyết định tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Nhân La làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 10/5/1997. Tuy nhiên, tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà L không đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (theo giấy khai sinh và các tài liệu nhân thân khác thì bà L sinh năm 1980). Do mong muốn được kết hôn sớm, thiếu hiểu biết pháp luật và nghĩ sự việc không quá phức tạp nên mặc dù không đủ tuổi nhưng bà L đã khai tăng thêm hai tuổi (bà L khai sinh năm 1978) để có đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Do đó, trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của ông, bà mới thể hiện thông tin bà L sinh năm 1978.

Sau khi đăng ký kết hôn, ông Nh, bà L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, yêu thương nhau và đã sinh được ba con chung là cháu Trần Thị Minh Trang, sinh ngày 03/5/1998; cháu Trần Đình Việt Anh, sinh ngày 10/6/2008 và cháu Trần Thị Hoa, sinh ngày 02/10/2005. Đến nay, ông Nh, bà L vẫn chung sống hạnh phúc, chưa bao giờ xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Các con chung đều được yêu thương, chăm sóc nên rất ngoan ngoãn và học giỏi. Nay ông Nh, bà L có đơn đề nghị Tòa án hủy giấy đăng ký kết hôn của ông, bà do đã khai không đúng tuổi và công nhận quan hệ hôn nhân của bà L và ông Nh kể từ thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

UBND xã Nhân La xác định UBND xã có đăng ký kết hôn cho ông Nh, bà L vào ngày 24/6/1998. Khi đó, bà L khai sinh năm 1978 nên Ủy ban đã đăng ký kết hôn cho ông bà. Nay Ủy ban đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. UBND xã đã xác nhận bà L trong giấy khai sinh tên Lương Thị L, sinh ngày 08/10/1980 với Lương Thị L, sinh năm 1978 trong giấy khai sinh của con Trần Thị Minh Trang với Lương Thị Mai L trong giấy khai sinh của con Trần Thị Hoa và Trần Đình Việt Anh với Lương Thị L, sinh năm 1978 trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn là cùng một người.

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Trần Đình Nh và bà Lương Thị L đều thống nhất giữ nguyên yêu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã Nhân La có lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021 và Biên bản xác minh ngày 14/6/2021 xác nhận nhân thân cho bà L như trong đơn yêu cầu là đúng và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động thụ lý, giải quyết yêu cầu của ông Nh, bà L theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động có quan điểm: Trong quá trình tiến hành thủ tục tố tụng như thụ lý việc dân sự, tiến hành thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng, thủ tục tiến hành phiên họp, Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; đương sự chấp hành nghiêm quy định pháp luật về

quyền và nghĩa vụ. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 , Điều 149, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, điểm b khoản 2 Điều10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chấp nhận đơn yêu cầu của các đương sự, công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm ông Nh và bà L đủ điều kiện kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Động nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Đình Nh và bà Lương Thị L yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật; công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn vì tại thời điểm kết hôn bà L chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Ông Nh, bà L đều có HKTT tại thôn Giang, xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, cơ quan đăng ký kết hôn là UBND xã Nhân La, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn của ông Nh, bà L:

Ông Trần Đình Nh và bà Lương Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân La ngày 10/5/1997 nên Tòa án sẽ áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 1986 để xem xét các điều kiện kết hôn của ông, bà tại thời điểm đăng ký kết hôn; đồng thời áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để xem xét về các điều kiện công nhận quan hệ hôn nhân của ông, bà tại thời điểm Tòa án giải quyết đơn yêu cầu.

Căn cứ vào các tài liệu được thu thập trong hồ sơ như Giấy khai sinh, căn cước công dân của bà L; xác minh tại UBND xã Nhân La và các tài liệu khác, Tòa án xác định: Ông Trần Đình Nh, sinh ngày 04/02/1974, bà Lương Thị L
sinh ngày 08/10/1980, thời điểm ông Nh, bà L đăng ký kết hôn thì bà L mới được 16 tuổi, 8 tháng và 01 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 4

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì thấy, mặc dù tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 10/5/1997, bà L chưa đủ tuổi kết hôn nhưng kể từ ngày 08/10/1998, bà L đủ 18 tuổi là đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn. Ông Nh, bà L cũng đáp ứng được các điều kiện kết hôn khác theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, ông bà đều thống nhất quan điểm trong việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung, gia đình chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Nay ông Nh, bà L đều có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đối chiếu với các quy định pháp luật được viện dẫn ở trên thì không cần thiết phải hủy việc kết hôn trái pháp luật mà sẽ công nhận quan hệ hôn nhân của ông Nh, bà L là hợp pháp kể từ thời điểm bà L đủ tuổi kết hôn là ngày 08/10/1998.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Đình Nh chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình. Ông Nh đã nộp 300.000 đồng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên theo biên lai thu số 0002013 ngày 02/6/2021. Ông Nh đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tại phiên họp có căn cứ cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 67, Điều 149, Điều 361, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình Nh và bà Lương Thị L về việc yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Nh và bà L là hợp pháp kể từ ngày 08/10/1998.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Đình Nh và bà Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Đình Nh chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí. Ông Nh đã nộp 300.000 đồng lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên theo biên lai thu số 0002013 ngày 02/6/2021. Đối trừ, ông Nh đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động , Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có quyền kháng nghị quyết định này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Động;
- VKSND tỉnh;
- Phòng KTNV và THA;
- Chi cục THA huyện Kim Động;
- UBND xã Nhân La;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hương